TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng KT An toàn và BHLĐ

Tháng 8 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**66**		**36.782.100**	**8**	**4.009.000**			**10**	**2.635.000**				**43.426.100**	**1.655.400**	**310.500**	**207.000**	**434.200**	**165.000**		**2.772.100**	**40.654.000**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	6.988.000	25	A	14.158.800	3	1.719.000								15.877.800	559.100	104.900	69.900	158.800	55.000		947.700	14.930.100	
2	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	6.545.000	20	A	11.311.650	3	1.374.000			5	1.258.654				13.944.304	523.700	98.200	65.500	139.400	55.000		881.800	13.062.504	
3	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	7.157.000	21	A	11.311.650	2	916.000			5	1.376.346				13.603.996	572.600	107.400	71.600	136.000	55.000		942.600	12.661.396	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**161**		**56.599.142**	**12**	**4.032.000**	**14**	**3.212.462**	**5**	**1.040.577**	**63.306**	**0,30**	**417.000**	**65.364.487**	**3.283.400**	**615.800**	**410.800**	**653.800**	**385.000**	**373.000**	**5.721.800**	**59.642.687**	
4	HL-00877	Đậu Anh Tú	Chuyên viên	5.411.000	25	A	10.129.008								0,30	417.000	10.546.008	432.900	81.200	54.200	105.500	55.000		728.800	9.817.208	
5	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	5.411.000	21	A	8.004.235	4	1.512.000			5	1.040.577				10.556.812	432.900	81.200	54.200	105.600	55.000		728.900	9.827.912	
6	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	5.966.000	21	A	7.437.731			5	1.147.308						8.585.039	477.300	89.500	59.700	85.900	55.000		767.400	7.817.639	
7	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	5.966.000	20	A	7.083.553			5	1.147.308						8.230.861	477.300	89.500	59.700	82.300	55.000		763.800	7.467.061	
8	HL-00311	Ngô Văn Khánh	Chuyên viên	6.056.000	26	A	8.258.338	4	1.260.000								9.518.338	484.500	90.900	60.600	95.200	55.000	373.000	1.159.200	8.359.138	
9	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	5.966.000	22	A	7.427.939			4	917.846			63.306			8.409.091	477.300	89.500	59.700	84.100	55.000		765.600	7.643.491	
10	HL-00394	Phạm Văn Khánh	Chuyên viên	6.264.000	26	A	8.258.338	4	1.260.000								9.518.338	501.200	94.000	62.700	95.200	55.000		808.100	8.710.238	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**293**		**99.143.857**	**31**	**10.143.000**	**3**	**655.615**	**10**	**2.138.462**				**112.080.934**	**5.204.000**	**976.300**	**651.100**	**1.120.800**	**660.000**	**654.000**	**9.266.200**	**102.814.734**	
11	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	5.682.000	25	A	8.329.804	3	945.000								9.274.804	454.600	85.300	56.900	92.700	55.000	281.000	1.025.500	8.249.304	
12	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát AT HL	5.682.000	23	A	9.318.688			3	655.615						9.974.303	454.600	85.300	56.900	99.700	55.000		751.500	9.222.803	
13	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	5.966.000	25	A	9.528.851	3	1.134.000								10.662.851	477.300	89.500	59.700	106.600	55.000	373.000	1.161.100	9.501.751	
14	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	5.154.000	25	A	9.528.851	3	1.134.000								10.662.851	412.400	77.400	51.600	106.600	55.000		703.000	9.959.851	
15	HL-03935	Bùi Công Thìn	Giám sát AT HL	6.056.000	26	A	8.258.338	4	1.260.000								9.518.338	484.500	90.900	60.600	95.200	55.000		786.200	8.732.138	
16	HL-02007	Trần Văn Hùng	Giám sát AT HL	5.966.000	22	A	6.987.824	3	945.000			5	1.147.308				9.080.132	477.300	89.500	59.700	90.800	55.000		772.300	8.307.832	
17	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	4.908.000	25	A	7.940.709	3	945.000								8.885.709	392.700	73.700	49.100	88.900	55.000		659.400	8.226.309	
18	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	5.411.000	25	A	7.940.709	3	945.000								8.885.709	432.900	81.200	54.200	88.900	55.000		712.200	8.173.509	
19	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	4.745.000	25	A	8.440.840										8.440.840	379.700	71.200	47.500	84.400	55.000		637.800	7.803.040	
20	HL-04145	Trần Quang Duy	Giám sát AT HL	5.411.000	25	A	7.940.709	3	945.000								8.885.709	432.900	81.200	54.200	88.900	55.000		712.200	8.173.509	
21	HL-04394	Nguyễn Văn Mạnh	Giám sát AT HL	5.154.000	21	A	6.670.196	3	945.000			5	991.154				8.606.350	412.400	77.400	51.600	86.100	55.000		682.500	7.923.850	
22	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	4.908.000	26	A	8.258.338	3	945.000								9.203.338	392.700	73.700	49.100	92.000	55.000		662.500	8.540.838	
Tổng cộng					**520**		**192.525.099**	**51**	**18.184.000**	**17**	**3.868.077**	**25**	**5.814.039**	**63.306**	**0,30**	**417.000**	**220.871.521**	**10.142.800**	**1.902.600**	**1.268.900**	**2.208.800**	**1.210.000**	**1.027.000**	**17.760.100**	**203.111.421**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**